

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 02 – 2020

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Ông Nguyễn Việt Bằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1012/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tô Văn H, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: đường L, khóm N, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 17/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, ông Tô Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Ngọc D xác lập quan hệ vợ chồng vào tháng 11/1975, không đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2006 ông bị bệnh về sinh lý, tháng 6/2006 bà D đi làm ăn xa tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2008 ông bà chấm dứt quan hệ vợ chồng, đến năm 2012 bà D trở về và cất nhà riêng ở đến nay. Ông xác định vợ chồng không mâu thuẫn, mục đích xin ly hôn là để được tự do, vì vậy ông yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Ngọc D.

Về con chung: Ông và bà D có 06 người con chung gồm: Tô Chí C, sinh năm 1976; Tô Thúy O, sinh năm 1978; Tô Thúy Q, sinh năm 1981; Tô Chí T, sinh năm 1982; Tô Chí H', sinh năm 1985 và Tô Thúy S, sinh năm 1989. Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác định có 02 căn nhà cấp 4, khi ly hôn ông và bà D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không nợ ai và không ai nợ lại ông bà.

- Tại bản tự khai và trình bày của bị đơn bà Nguyễn Ngọc D trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Bà xác định về thời gian, điều kiện và không đăng ký kết hôn như lời ông H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không mâu thuẫn, do ông H có người phụ nữ khác bên ngoài nên ông muốn xin ly hôn. Bà xác định còn thương ông H nên không đồng ý ly hôn, bà chấp nhận tha thứ để ông H quay về chung sống vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông H có 06 người con chung gồm: Tô Chí C, sinh năm 1976; Tô Thúy O, sinh năm 1978; Tô Thúy Q, sinh năm 1981; Tô Chí T, sinh năm 1982; Tô Chí H', sinh năm 1985 và Tô Thúy S, sinh năm 1989. Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định có 01 căn nhà tại khóm 9, phường 6, thành phố Cà Mau. Bà có ý kiến là để tài sản này lại cho con, bà và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không nợ ai và không ai nợ lại ông bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Tô Văn H và bà Nguyễn Ngọc D xác lập quan hệ vợ chồng vào tháng 11/1975, không đăng ký kết hôn theo quy định. Mặc dù ông H, bà D không đăng ký kết hôn nhưng ông bà có mối quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) nên được chấp nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống theo ông H trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2006 ông bị bệnh về sinh lý, tháng 6/2006 bà D đi làm ăn xa tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2008 ông bà chấm dứt quan hệ vợ chồng, đến năm 2012 bà D trở về và cất nhà ở riêng đến nay. Tại tòa, ông H xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, mục đích xin ly hôn là để được tự do, ông thừa nhận có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên ông yêu cầu ly hôn bà D. Đối với bà D tại phiên tòa xác định nguyên nhân ông H xin ly hôn là do ông H có người phụ nữ bên ngoài nên muốn ly hôn, vợ chồng không có mâu thuẫn, bà vẫn còn thương ông H và không đồng ý ly hôn, muốn hàn gắn để vợ chồng cùng xây dựng một gia đình hạnh phúc.

[2] Xét thấy giữa ông H, bà D không xảy ra mâu thuẫn, mục đích xin ly hôn là để được tự do, ông H thừa nhận có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên xin ly hôn, việc này cho thấy hôn nhân chưa đến mức trầm trọng, bà D vẫn làm tốt nhiệm vụ của một người vợ, ông H vẫn làm tốt trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình. Bản thân bà D xác định bà sẽ chấp nhận tha thứ những việc làm của ông H, bà không có ý kiến và bà chấp nhận để ông H quay về chung sống với bà. Tại phiên tòa bà D tha thiết và có mong muốn ông H rút đơn để cùng lo cho gia đình. Cho nên, Hội đồng xét xử xét thấy ông, bà không mâu thuẫn, hôn nhân chưa đến mức "tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của

hôn nhân không đạt được”. Trong hôn nhân của ông, bà không xảy ra mâu thuẫn, ông H có người phụ nữ khác, việc này có thể khắc phục được nên việc bà D yêu cầu Tòa án cho bà thời gian để ông và bà cải thiện mối quan hệ gia đình hòa thuận hơn và cũng tạo điều kiện để ông, bà cùng sửa đổi lỗi lầm của nhau để cùng nhau chăm sóc gia đình. Hơn nữa, ông bà đã cao tuổi, thời gian chung sống lâu, có với nhau 06 người con chung và cần làm tấm gương cho con cháu trong mối quan hệ hôn nhân. Xét thấy trình bày của bà D là phù hợp, do đó, cần tạo điều kiện để ông H và bà D hiểu và tin tưởng nhau hơn. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc xin ly hôn bà D là phù hợp.

[3] Đối với con chung, tài sản chung, nợ chung như nhận định trên việc yêu cầu xin ly hôn của ông H là không được chấp nhận nên không đề cập xem xét các vấn đề khác.

Án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Tô Văn H về việc xin ly hôn bà Nguyễn Ngọc D.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Ông H được miễn nộp tiền án phí dân sự theo quy định. Ngày 23 tháng 12 năm 2019, ông H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0001217 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau ông H được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu**